

Đơn vị: Trường Tiểu học Phước Hảo A

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ III/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Trường Tiểu học Phước Hảo A công khai tình hình thực hiện quyết toán Thu - chi nguồn NSNN quý III/2023 như sau:

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.406.505.785	2.406.505.785	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.406.505.785	2.406.505.785	0	0
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.406.505.785	2.406.505.785	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.309.979.836	2.309.979.836	0	
	Lương theo ngạch, bậc	715.902.739	715.902.739		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Lương hợp đồng	415.663.920	415.663.920		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	14.919.072	14.919.072		
	Phụ cấp chức vụ	11.879.999	11.879.999		
	Phụ cấp ưu đãi nghề	404.107.228	404.107.228		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	4.320.000	4.320.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	271.009.302	271.009.302		
	Bảo hiểm xã hội	247.551.622	247.551.622		
	Bảo hiểm y tế	42.437.421	42.437.421		
	Kinh phí công đoàn	28.291.614	28.291.614		
	Bảo hiểm thất nghiệp	14.145.807	14.145.807		
	Tiền điện	1.940.519	1.940.519		
	Tiền nước	1.120.056	1.120.056		
	Tiền vệ sinh, môi trường	800.000	800.000		
	Văn phòng phẩm				
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	23.568.640	23.568.640		
	Vật tư văn phòng khác	41.729.000	41.729.000		
	Cước phí điện thoại	66.000	66.000		
	Cước phí internet	675.000	675.000		
	Khác	0	0		
	Tiền vé máy bay, tàu, xe	7.787.397	7.787.397		
	Phụ cấp công tác phí	6.140.000	6.140.000		
	Khoản công tác phí	1.000.000	1.000.000		
	Thuê lao động trong nước	7.500.000	7.500.000		
	Chi phí thuê mướn khác	6.993.000	6.993.000		
	Đường điện, cấp thoát nước	17.095.740	17.095.740		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	3.592.800	3.592.800		
	Chi mua hàng hóa, vật tư	2.735.000	2.735.000		
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	2.514.960	2.514.960		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	9.050.000	9.050.000		
	Chi khác	5.443.000	5.443.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	96.525.949	96.525.949	0	
	Khác	1.600.000	1.600.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	94.925.949	94.925.949		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Kế toán



Huỳnh Thị Minh Xuân

Ngày 03 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị




Trương Thị Kim Tặng

